

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **34/2020/DS-ST**

Ngày: 05/8/2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải và ông Hồ Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2020/TLST-DS ngày 11/12/2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-DS ngày 02/6/2020;

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: Thôn H, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu H1 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị N. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Viết Tr (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Võ Thị Thu H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết hàng xóm với nhau với vợ chồng ông Võ Đ, bà Nguyễn Thị N nên khi vợ chồng ông Đ, bà N nói có việc cần tiền sửa chữa nhà thì vợ chồng tôi đã cho ông Đ, bà N vay tổng số tiền 80.000.000 đồng thông qua 04 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 28/4/2018, bà Nguyệt vay số tiền 40.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 27/8/2018, bà Nguyệt vay số tiền 10.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 03/9/2018, bà Nguyệt vay số tiền 10.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 10/9/2018, bà Nguyệt vay số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 10/9/2018 bà N có lập giấy xác nhận nợ và ký tên theo giấy vay tiền lập ngày 10/9/2018, thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 22/02/2019; lãi suất thỏa thuận miệng theo quy định của pháp luật. Vì tin tưởng nên tôi đã giao tiền cho bà N, nhưng kể từ ngày vay cho đến nay, mặc dù đã quá thời hạn trả nợ bà N chưa trả cho tôi khoản nợ nào mặc dù vợ chồng tôi đã đòi tiền bà N, ông Đ nhiều lần.

Vào ngày 22/4/2020 bà Nguyễn Thị H có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện xác định chỉ một mình bà Ngô Thị N đứng ra vay và ký nhận, ông Đ không biết cũng như không ký vào giấy vay tiền nên không liên quan gì. Do đó tôi không yêu cầu ông Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng tôi mà tôi chỉ yêu cầu bà Ngô Thị N phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng tôi số tiền gốc là 80.000.000 đồng và 13.300.000 đồng tiền lãi phát sinh và tính lãi cho đến ngày xét xử.

- Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Viết Tr trình bày:
Tôi hoàn toàn đồng ý và thống nhất với ý kiến của vợ tôi là bà Nguyễn Thị H đã trình bày trên. Do ông Đ không biết cũng không liên quan gì nên tôi đề nghị bà N trả nợ cho vợ chồng tôi số tiền gốc là 80.000.000 đồng và 13.300.000 đồng tiền lãi phát sinh và tính lãi cho đến khi xét xử.

Bị đơn, bà Ngô Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn vắng mặt nơi cư trú, mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Ngô Thị N trả số tiền 80.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn bà Ngô Thị N không chấp hành theo giấy triệu tập, không lên Tòa án để trình bày ý kiến của mình cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án giải quyết vụ án theo những căn cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vào ngày 22/6/2020 Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ngày 10/9/2018 bà N có lập giấy xác nhận nợ có nợ bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 80.000.000 đồng qua 04 lần vay, bà Nguyệt có ký tên dưới mục “người vay tiền” theo giấy vay tiền lập ngày 10/9/2018, thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 22/02/2019; lãi suất thỏa thuận miệng theo quy định của pháp luật. Tại biên bản kết luận giám định số 46/PC09 ngày 03/6/2020 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Ngô Thị N trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Ngô Thị N trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy việc bà Ngô Thị N có vay của bà Nguyễn Thị H tổng cộng qua 04 lần vay là 80.000.000 đồng là có thật, việc xác lập hợp đồng vay tiền giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên cho vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 463 Bộ luật dân sự nhưng bà N đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Việc bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, ông Tr. Do đó bà H khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền lãi hai bên thỏa thuận miệng là tính theo quy định của pháp luật, bà H cũng yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật nên HĐXX tính lãi như sau:

Lãi trong hạn của khoản vay ngày 28/4/2018, vay số tiền 40.000.000 đồng là $40.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 09 \text{ tháng} 24 \text{ ngày} = 3.253.600 \text{ đồng}$.

Lãi trong hạn của khoản vay ngày 27/8/2018, vay số tiền 10.000.000 đồng là $10.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 05 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 484.000 \text{ đồng}$.

Lãi trong hạn của khoản vay ngày 03/9/2018, vay số tiền 10.000.000 đồng là $10.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 05 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} = 470.000 \text{ đồng}$.

Lãi trong hạn của khoản vay ngày 10/9/2018, vay số tiền 20.000.000 đồng là $20.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 05 \text{ tháng} 13 \text{ ngày} = 901.000 \text{ đồng}$.

Lãi quá hạn của tổng các khoản vay tính từ ngày 23/02/2019 cho đến ngày xét xử (05/8/2020) là $80.000.000 \text{ đồng} \times 1,6\% / \text{tháng} \times 17 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 22.272.000 \text{ đồng}$.

Vậy tổng số lãi bà Ngô Thị N có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H, ông Lê Viết Tr là: $22.272.000 \text{ đồng} + 901.000 \text{ đồng} + 470.000 \text{ đồng} + 484.000 \text{ đồng} + 3.253.600 \text{ đồng} = 27.380.600 \text{ đồng}$ (Hai mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi nghìn sáu trăm đồng).

[4] Về án phí:

Bà Ngô Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 205, Điều 207, Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Ngô Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H, ông Lê Viết Tr số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và 27.380.600 đồng (Hai mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi nghìn, sáu trăm đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bị đơn bà Ngô Thị N phải chịu 5.369.030 đồng án phí Dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 2.332.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0004688 ngày 10/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Anh Tuấn